



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

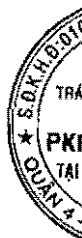
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



Báo cáo của Hội đồng quản trị và
Và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
• Bảng cân đối kế toán	6 – 9
• Kết quả hoạt động kinh doanh	10
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
• Thuyết minh các báo cáo tài chính	13 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Thế Sơn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên

Thành viên Ban điều hành cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2010
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2009 và bổ nhiệm lại ngày 01/01/2011
Ông Phạm Quốc Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2010

2. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là Công ty cổ phần nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Nhiệt điện Bà Rịa theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã doanh nghiệp cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ngày 20/5/2009, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2010.

Trụ sở của Công ty đặt tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo quyết định thành lập và quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai;
- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 1 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam.

Trong suốt thời kỳ kế toán này không có khoản mục hay sự kiện nào quan trọng có bản chất bất thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Vốn góp

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ngày 20/5/2009, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2010. Vốn điều lệ 604.856.000.000 đồng, thành viên sáng lập như sau:

	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	VNĐ
I	Cổ đông sáng lập – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)			
	Với các đại diện			
1.	Ông Huỳnh Lin	19.249.423	31,82 %	192.494.230.000
2.	Ông Nguyễn Tiến Dũng	14.437.067	23,87 %	144.370.670.000
3.	Ông Vũ Mạnh Hùng	14.437.067	23,87 %	144.370.670.000
II	Cổ đông khác			
	2.742 cổ đông	12.362.043	20,44 %	123.620.430.000
		60.485.600	100,00 %	604.856.000.000

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 VNĐ

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

	31/12/2011
Vốn nhà nước – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	481.235.570.000
Vốn đối tượng khác	123.620.430.000
	604.856.000.000

5. Cổ tức

Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị là 17.785.680.000 đồng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2011) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Công ty.

Thị xã Bà Rịa, ngày 22 tháng 03 năm 2012



Số: 157/2011/HĐKT-PKF

TP. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIJA**

Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) đã thực hiện công tác kiểm toán Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa từ trang 6 đến trang 29 (dưới đây gọi tắt là Công ty).

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam áp dụng cho các đơn vị hoạt động theo Luật doanh nghiệp tại Việt Nam.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo chúng tôi, trong phạm vi sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, xét trên phương diện trọng yếu, thì các bản báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa như đã nêu trên đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được trình bày phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Gấm
Chứng chỉ KTV số Đ.0076/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phước
Chứng chỉ KTV số 1536/KTV

33.
H N
: ON
NHIE
IEM
VI E
H O
? HA
P. T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.186.360.203.930	1.118.392.786.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	<i>IV.1, V-1</i>	22.089.193.674	95.798.120.399
1. Tiền	111		22.089.193.674	55.798.120.399
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	<i>V-2</i>	1.052.785.484.653	899.103.617.581
1. Phải thu của khách hàng	131		572.806.621.151	404.317.538.364
2. Trả trước cho người bán	132		2.940.000	115.350.000
3. Phải thu nội bộ	133		479.420.815.320	493.857.282.420
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		933.799.683	1.192.138.298
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(378.691.501)	(378.691.501)
IV. Hàng tồn kho	140	<i>IV.2, V-3</i>	106.289.632.763	117.076.476.413
1. Hàng tồn kho	141		106.289.632.763	117.076.476.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	<i>V-4</i>	5.195.892.840	6.414.571.924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		368.653.211	293.925.468
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.122.019.952	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		563.336.503	4.001.935.612
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		141.883.174	2.118.710.844

1.002
ANH
TY
TRU
HAN
DAN
I NA
VI MIN
NHI
O CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	31/12/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		827.894.720.723	947.264.917.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	<i>IV.3, V-5</i>	519.702.457.255	672.069.570.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221		519.253.817.659	671.369.274.209
- Nguyên giá	222		2.334.451.628.441	2.321.915.499.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.815.197.810.782)	(1.650.546.225.409)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		400.169.596	700.296.784
- Nguyên giá	228		3.011.117.583	3.011.117.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.610.947.987)	(2.310.820.799)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		48.470.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		307.250.927.800	273.750.927.800
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<i>V-6</i>	307.250.927.800	273.750.927.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	<i>V-7</i>	941.335.668	1.444.419.087
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		750.335.668	1.253.419.087
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		191.000.000	191.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		2.014.254.924.653	2.065.657.704.197

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.127.554.364.824	1.218.553.056.735
I. Nợ ngắn hạn	310	V-8	301.776.362.739	369.699.481.063
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		106.735.290.745	97.094.897.998
2. Phải trả người bán	312		157.142.869.934	249.859.951.552
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		14.402.738.401	3.243.010.565
5. Phải trả người lao động	315		15.830.195.233	13.100.699.456
6. Chi phí phải trả	316		4.658.398.056	5.648.791.766
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.382.948.796	752.048.942
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		623.921.574	80.784
II. Nợ dài hạn	330	V-9	825.778.002.085	848.853.575.672
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		825.627.631.746	848.702.469.117
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		150.370.339	151.106.555
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	IV.4, VI-10	886.700.559.829	847.104.647.462
I. Vốn chủ sở hữu	410		886.700.559.829	847.104.647.462
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		604.856.000.000	604.856.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.480.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.142.254.271	7.142.254.271
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.087.628.040	1.679.849.682
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.873.036.809	761.863.630
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		274.221.640.709	232.664.679.879
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.014.254.924.653	2.065.657.704.197

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	31/12/2010
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Vật tư thu hồi			7.856.683.445	5.434.059.675
6. Ngoại tệ các loại				
USD			359,15	100,81
AUD				-
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

33767
 H NHAN
 ONG T
 NIEM H
 IEM TOA
 VIET
 HO CHI
 HA NO
 P. HO

Bà Rịa, ngày 31 tháng 1 năm 2011
 Kế toán trưởng



PHẠM QUỐC THÁI

TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 NHIỆT ĐIỆN
 BÀ RỊA
 NGUYỄN TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B02 - DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

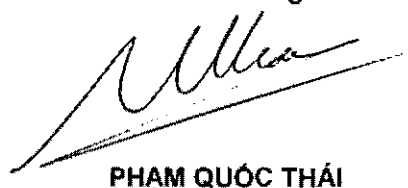
ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV-6, VI-1	2.400.803.749.299	2.038.711.000.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.400.803.749.299	2.038.711.000.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI-2	2.147.225.291.421	1.815.039.035.345
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		253.578.457.878	223.671.965.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI-3	7.484.581.340	8.549.080.641
7. Chi phí tài chính	22	VI-4	151.738.841.088	178.086.043.840
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		42.562.319.211	37.928.920.760
8. Chi phí bán hàng	24		270.063.129	228.181.884
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI-5	25.874.622.142	24.462.590.503
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		83.179.512.859	29.444.229.559
11. Thu nhập khác	31		4.733.270.197	424.086.036
12. Chi phí khác	32		4.459.987.037	33.696.731
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		273.283.160	390.389.305
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.452.796.019	29.834.618.864
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	IV.7, VI-6	20.747.065.901	7.483.869.484
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.705.730.118	22.350.749.380
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1 052	370

Bà Rịa, ngày 31 tháng 1 năm 2011

Kế toán trưởng


PHẠM QUỐC THÁI


NGUYỄN TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ Rịa
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số: B03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2011	Năm 2010
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.452.796.019	29.834.618.864
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		165.306.482.144	165.150.402.739
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		83.660.453.374	83.615.193.573
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.366.638.165)	(8.677.087.518)
- Chi phí lãi vay	06		42.562.319.211	37.928.920.280
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		366.615.412.583	307.852.048.418
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(158.002.073.799)	(28.021.063.260)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.786.843.650	1.361.544.029
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể các khoản lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(96.440.954.331)	(10.858.900.881)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		428.355.676	(479.551.896)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(38.124.349.295)	(32.893.310.794)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.630.213.946)	(2.798.062.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.899.500.000	87.171.972
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(3.374.841.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.532.520.538	230.875.033.065
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.941.940.096)	(5.205.805.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		155.606.364	128.839.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(89.220.927.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(33.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.213.602.218	8.548.247.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.072.731.514)	(85.749.645.327)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số: B03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

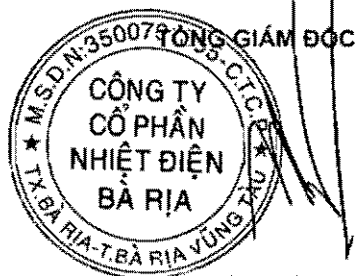
Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2011	Năm 2010
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.440.810.179	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(9.920.810.179)	(10.966.974.548)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.113.800.149.047	480.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.210.895.047.045)	(576.908.909.296)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.593.817.751)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(120.168.715.749)	(107.875.883.844)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(73.708.926.725)	37.249.503.894
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		95.798.120.399	58.548.616.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.089.193.674	95.798.120.399

Bà Rịa, ngày 31 tháng 1 năm 2011

Kế toán trưởng



PHẠM QUỐC THÁI



NGUYỄN TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là Công ty cổ phần nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Nhiệt điện Bà Rịa theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 và cấp đổi mã doanh nghiệp cho Công ty số 3500701305 ngày 20/5/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2010.

Trụ sở của Công ty đặt tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo quyết định thành lập và quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai;
- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 1 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 12

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính, số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tất cả các khoản lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ (-) các khoản dự phóng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

17-0
ÁNH
TY
HÀNG
CÁN
T N
HÍ MI
+0
5 C

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá xuất của hàng tồn kho: bình quân gia quyền mỗi lần nhập

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4. Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản vô hình của Công ty là giá trị Quyền sử dụng đất của 17.795 m² thuộc lô đất số 263, quốc lộ 51, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giá đất để xây dựng các trụ điện xuất tuyến đường dây 100KV Bà Rịa- Phú Mỹ- Long Bình tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 1206/QĐ-EVN-TCKT ngày 15 tháng 05 năm 2003 của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (EVN) về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình đường dây 100KV Bà Rịa- Phú Mỹ- Long Bình và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T06564 ngày 11 tháng 09 năm 2007 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về lô đất 263 có diện tích sử dụng 115.646,6 m² với thời hạn sử dụng là 50 năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tài sản cố định tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa vào tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 14 năm
Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn phân bổ trong 24 tháng.

6. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2011 bao gồm quỹ lương tiền lương sản xuất điện, lương sửa chữa lớn tài sản cố định, lương khác. Quỹ lương sản xuất điện được xác định theo quyết định số 594/QĐ-NĐBR-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2011 của Hội đồng quản trị. Quỹ lương khác do Ban Giám đốc Công ty quyết định.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích (nếu có).

8. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.
- Thặng dư vốn cổ phần: Là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác của chủ sở hữu: Là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.
- Lỗ (lãi) do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ năm tài chính được loại trừ khi phân phối các quỹ và phân phối cổ tức.

9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hòa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hòa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu bán điện cho Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

10. Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cơ quan thuế sẽ kiểm tra quyết toán các loại thuế áp dụng đối với Công ty. Bất kỳ các khoản khác biệt về thuế sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

11. Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

(xem trang tiếp theo)

333
HỘI
CỘNG
HỘI
KIỂM
VII
TP. H
TP. H
TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và khoản tương đương tiền	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt	(a) 88.988.111	32.718.534
Tiền gửi ngân hàng	(b) 22.000.205.563	55.765.401.865
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	<u>22.089.193.674</u>	<u>95.798.120.399</u>
(a) Tiền mặt	31/12/2011	
- Tiền Việt Nam	88.988.111	
	<u>88.988.111</u>	
(b) Tiền gửi ngân hàng	31/12/2011	
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	21.521.927.152	
- VND	21.514.963.806	
- USD	6.963.346	
Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam	384.392.310	
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - TP Vũng Tàu	69.250.685	
Ngân hàng đầu tư và phát triển - Thị xã Bà Rịa	24.635.416	
	<u>22.000.205.563</u>	
2. Các khoản phải thu	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu khách hàng	(a) 572.806.621.151	404.317.538.364
Trả trước cho người bán	2.940.000	115.350.000
Phải thu nội bộ	(b) 479.420.815.320	493.857.282.420
Các khoản phải thu khác	933.799.683	1.192.138.298
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(378.691.501)	(378.691.501)
	<u>1.052.785.484.653</u>	<u>899.103.617.581</u>

37-002
HÀNH
TY
HỮU HẠ
OÀN
T. NA
CHỈ MINH
HỘI
Đ. CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ Rịa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

(a) Phải thu khách hàng	31/12/2011
Chi nhánh tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	571.023.608.528
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Fomosa	1.025.316.309
Công ty TNHH Xuân Thiên	481.910.000
Công ty TNHH Nam Phương Xanh	88.500.000
Khác	187.286.314
	<u>572.806.621.151</u>

(b) Đây là khoản phải thu của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

3. Hàng tồn kho	31/12/2011	31/12/2010
Hàng mua đang đi đường	-	250.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	106.127.973.203	116.692.044.956
Công cụ, dụng cụ	132.151.514	100.428.575
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	3.903.238
Thành phẩm	29.350.992	27.996.877
Hàng gửi đi bán	157.054	2.102.767
	<u>106.289.632.763</u>	<u>117.076.476.413</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay: không
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	368.653.211	293.925.468
Thuế GTGT được khấu trừ	4.122.019.952	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(a) 563.336.503	4.001.935.612
Tài sản ngắn hạn khác	(b) 141.883.174	2.118.710.844
	<u>5.195.892.840</u>	<u>6.414.571.924</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

(a) Thuế và khoản phải thu Nhà nước **31/12/2011**

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Thuế thu nhập cá nhân	563.336.503
	563.336.503

(a) Tài sản ngắn hạn khác **31/12/2011**

Tạm ứng	110.783.174
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.100.000
	141.883.174

5. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu năm	86.945.118.711	2.179.813.722.186	29.567.486.112	24.703.391.800	885.780.809	2.321.915.499.618	
Tăng trong kỳ	116.506.832	11.409.506.208	101.095.712	1.266.360.071	-	12.893.468.823	
Mua trong năm	-	1.710.751.980	-	551.279.636	-	2.262.031.616	
XDCB hoá thành	-	8.886.341.384	-	528.389.526	-	9.414.730.910	
Tăng khác	116.506.832	812.412.844	101.095.712	186.690.909	-	1.216.706.297	
Giảm trong kỳ	-	29.100.000	328.240.000	-	-	357.340.000	
Nhượng bán, thanh lý	-	29.100.000	328.240.000	-	-	357.340.000	
Số dư cuối năm	87.061.625.543	2.191.194.128.394	29.340.341.824	25.969.751.871	885.780.809	2.334.451.628.441	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	40.562.899.059	1.562.261.532.632	23.292.602.883	24.110.399.564	318.791.271	1.650.546.225.409	
Khấu hao	4.213.837.253	158.249.152.479	2.048.010.924	357.429.732	137.924.568	165.006.354.956	
Giảm khác	-	26.529.583	328.240.000	-	-	354.769.583	
Số dư cuối năm	44.776.736.312	1.720.484.155.528	25.012.373.807	24.467.829.296	456.715.839	1.815.197.810.782	
Giá trị còn lại của TSCĐ							
Số dư đầu năm	46.382.219.652	617.552.189.554	6.274.883.229	592.992.236	566.989.538	671.369.274.209	
Số dư cuối năm	42.284.889.231	470.709.972.866	4.327.968.017	1.501.922.575	429.064.970	519.253.817.659	



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không
Nguyên giá của những tài sản cố định cuối năm đơn vị đã trích khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.145.191.594

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: -

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

(b) Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	3.011.117.583	-	-	3.011.117.583
	3.011.117.583	-	-	3.011.117.583
Hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	2.310.820.799	300.127.188	-	2.610.947.987
	2.310.820.799	300.127.188	-	2.610.947.987
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	700.296.784			400.169.596
	700.296.784			400.169.596

6. Tài sản dài hạn khác

31/12/2011

31/12/2010

Đầu tư dài hạn khác	(a)	307.250.927.800	273.750.927.800
		307.250.927.800	273.750.927.800

(a) Đầu tư dài hạn khác

31/12/2011

31/12/2010

Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	10.348.327	CP #	114.770.927.800	114.770.927.800
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	10.000.000	CP #	108.730.000.000	108.730.000.000
Công ty thủy điện Bùn Đôn	8.375.000	CP #	83.750.000.000	50.250.000.000
			307.250.927.800	273.750.927.800

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

7 Tài sản dài hạn khác	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí trả trước dài hạn (a)	750.335.668	1.253.419.087
Ký cược, ký quỹ dài hạn	191.000.000	191.000.000
	941.335.668	1.444.419.087

(a) Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011	31/12/2010
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	750.335.668	1.253.419.087
	750.335.668	1.253.419.087

8. Nợ ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
Vay và nợ ngắn hạn (a)	106.735.290.745	97.094.897.998
Phải trả người bán (b)	157.142.869.934	249.859.951.552
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.402.738.401	3.243.010.565
Phải trả người lao động	15.830.195.233	13.100.699.456
Chi phí phải trả (c)	4.658.398.056	5.648.791.766
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (d)	2.382.948.796	752.048.942
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	623.921.574	80.784
	301.776.362.739	369.699.481.063

(a) Vay ngắn hạn	31/12/2011
Nợ dài hạn đến hạn trả (i)	106.735.290.745
	106.735.290.745

(i) Vay ngắn hạn	31/12/2011
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	62.254.683.720
Chi nhánh Quý hỗ trợ phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	44.480.607.025
	106.735.290.745

Xem chi tiết tại mục V.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ Rịa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

(b) Phải trả người bán	31/12/2011		
Công ty SX và chế biến KD các SP khí	127.579.320.104		
Công ty TNHH TM và DV Thanh An	13.183.339.896		
Công ty CP Lọc Hóa Dầu Nam Việt	12.149.270.902		
Công ty TNHH Nam Sơn	2.185.801.200		
Công ty CP Tân Thành Nam	450.600.822		
Công ty CP Giải Pháp Năng Lượng Việt	435.024.480		
Công ty TNHH TMDV GPKT	325.160.000		
Công ty TNHH TM Thái Bình Dương Việt Thái	230.000.000		
Công ty TNHH Dệt May Lục Tơ Tằm Á Châu	154.000.000		
Công ty TNHH MTV TB và Kỹ thuật Khánh Linh	130.130.823		
Phạm Thánh Phương	102.733.172		
Khác	217.488.535		
	<u>157.142.869.934</u>		
(c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	31/12/2010	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	3.243.010.565	
	<u>14.402.738.401</u>	<u>3.243.010.565</u>	
(c) Chi phí phải trả	31/12/2011	31/12/2010	
Lãi vay phải trả	4.658.398.056	5.035.609.966	
Khác	-	613.181.800	
	<u>4.658.398.056</u>	<u>5.648.791.766</u>	
(d) Khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2011	31/12/2010	
Kinh phí công đoàn	195.655.723	161.054.121	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	2.134.557	
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.738.450	74.219.474	
Phải trả, phải nộp khác	(i) 2.165.554.623	514.640.790	
	<u>2.382.948.796</u>	<u>752.048.942</u>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

(i) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 31/12/2011

Cổ tức nhiệt điện Bà Rịa	990.185.920
Thuế thu nhập CB CNV tạm thu	843.813.747
Cổ tức Công ty CP Tài chính điện lực	199.209.442
Khác	132.345.514
	<u>2.165.554.623</u>

9. Nợ dài hạn 31/12/2011 31/12/2010

Vay và nợ dài hạn	(a) 825.627.631.746	848.702.469.117
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	150.370.339	151.106.555
	<u>825.778.002.085</u>	<u>848.853.575.672</u>

(a) Vay và nợ dài hạn Vay dài hạn Nợ dài hạn đến hạn trả

Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (Vay vốn Quỹ hợp tác Phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF) Hợp đồng số 21/TDNN ngày 20/12/2004	667.209.105.191	44.480.607.025
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn Ngân hàng Thế giới WB) Hợp đồng số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 30/10/2007	158.418.526.555	62.254.683.720
	<u>825.627.631.746</u>	<u>106.735.290.745</u>

Tất cả các khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

10. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	604.856.000.000	-	-	7.142.254.271	1.679.849.682	761.863.630	232.664.679.879	847.104.647.462
Trích lập quỹ dự phòng tài chính năm 2010	-	-	-	-	407.778.358	-	(407.778.358)	-
Trích lập quỹ khen thưởng năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(9.920.810.179)	-	-	-	-	-	(9.920.810.179)
Lỗi do đánh giá lại cổ phiếu quỹ	-	6.440.810.179	-	-	-	-	-	6.440.810.179
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	-	-	-	-	-	-	62.705.730.118	62.705.730.118
Tạm trích quỹ khen thưởng năm 2011	-	-	-	-	-	-	(839.416.020)	(839.416.020)
Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2011	-	-	-	-	-	-	(619.416.020)	(619.416.020)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	1.111.173.179	(1.111.173.179)	-
Bổ sung thuế phải nộp theo quyết định thanh tra	-	-	-	-	-	-	(200.231.464)	(200.231.464)
Trả cổ tức cho cổ đông 2010	-	-	-	-	-	-	(17.785.680.000)	(17.785.680.000)
Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm Soát	-	-	-	-	-	-	(185.074.247)	(185.074.247)
Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	604.856.000.000	(3.480.000.000)	-	7.142.254.271	2.087.628.040	1.873.036.809	274.221.640.709	886.700.559.829

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Cổ phiếu	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.485.600	60.485.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.285.600	60.485.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.285.600	60.485.600
Số cổ phiếu đang lưu hành:		
- Cổ phiếu thường	59.285.600	60.485.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
 ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
Trong đó:		
- Doanh thu hàng hoá	2.392.613.967.368	2.032.532.882.296
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.410.407.155	5.551.746.008
- Doanh thu nội bộ	779.374.776	626.372.186
	2.400.803.749.299	2.038.711.000.490
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
Trong đó:		
- Giá vốn hàng hóa	2.147.225.291.421	1.815.039.035.345
	2.147.225.291.421	1.815.039.035.345
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi	7.313.602.218	8.238.247.973
Lãi dự thu	-	310.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.979.122	832.668
	7.484.581.340	8.549.080.641
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	83.660.453.374	83.615.193.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.956.864.024	56.464.933.876
Chi phí lãi vay	42.562.319.211	37.928.920.760
Chi phí hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán	6.440.810.179	-
Khác	118.394.300	76.995.631
	151.738.841.088	178.086.043.840

002-
NH
Y
CỦA H
IN
NAM
MINH
H
CHIT

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN

(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC

ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

	Năm 2011	Năm 2010
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	14.194.909.564	10.610.968.509
Chi phí vật liệu quản lý	221.284.573	280.103.537
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.840.484	162.988.631
Chi phí khấu hao	2.907.953.076	3.024.311.071
Thuế, phí, lệ phí	236.135.819	261.555.568
Chi phí dự phòng	91.924.220	88.368.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.870.242.708	4.883.843.114
Chi phí bằng tiền khác	6.185.331.698	5.150.452.030
	25.874.622.142	24.462.590.503
6. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản	155.636.364	128.839.545
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	126.949.691	
Thu nhập từ quá biểu, quá tặng, tiền thưởng	174.600.000	71.000.000
Thu nhập khác (thu tiền bán Hồ sơ mời thầu)	4.276.084.142	224.246.491
	4.733.270.197	424.086.036
7. Chi phí khác		
Nhượng bán, thanh lý, đánh giá lại TS-Nhượng bán, thanh lý TS	8.577.690	9.376.363
Tiền phạt	3.850.067.097	-
Khác	601.342.250	24.320.368
	4.459.987.037	33.696.731
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.747.065.901	7.483.869.484
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.747.065.901	7.483.869.484



Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm



VII THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các công ty mà Công ty có liên quan thông qua quan hệ về vốn. Như được trình bày dưới đây, Công ty và các công ty liên kết mà Công ty có mối quan hệ giao dịch thông qua quan hệ đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư 31/12/2011 VNĐ
Phải thu			
Công ty mua bán điện	Cùng tập đoàn	Bán điện	571.023.608.528
Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu nội bộ	479.420.815.320
Phải trả			
Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Vay	220.673.210.275

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Phải thu		
Công ty mua bán điện		
- Bán điện	2.344.361.334.016	2.232.676.083.611
- Đã thanh toán	(2.354.456.681.542)	(1.980.835.574.611)
- Đã cán trừ công nợ	(80.930.989.461)	10.970.821.218
Vay		
Tổng Công ty điện lực Việt Nam		
- Trả nợ vay	(61.830.247.140)	(56.007.694.620)
Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực		
- Vay	-	154.000.000.000
- Trả nợ vay	-	(154.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo TT số 244/2009/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm



Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

Năm 2011

Cho vay

Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực

- Cho vay

- Thu nợ cho vay

40.000.000.000

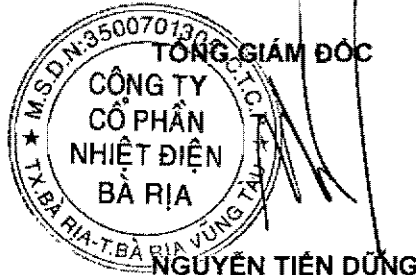
2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2011) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bà Rịa, ngày 31 tháng 1 năm 2011

Kế toán trưởng


PHẠM QUỐC THÁI


TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN DŨNG